TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ AN NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 24.11.2017
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Thảo - Cán bộ hưu trí phường Bình Định, thị xã An Nhơn
2. Ông Hồ Xuân Dũng - Cán bộ hưu trí xã Nhơn An, thị xã An Nhơn

Thư ký phiên tòa: Cô Nguyễn Mai Đoan Thục - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Thoại - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 03/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2017/QĐXXST.HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị Kim Q, sinh năm 1990 (có mặt)
Trú tại: Tổ 6, KV. 8, phường T, Tp. Q, tỉnh Bình Định
* *Bị đơn*: Anh Nguyễn Trung T, sinh năm 1983 (có mặt)
Trú tại: KV. T, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Theo đơn khởi kiện, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị Kim Q trình bày*: Chị và anh Nguyễn Trung T cưới nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND phường N vào năm 2011. Sau khi cưới vợ chồng sống tại TP. HCM nhưng khi chị có thai và sinh con thì về sống tại nhà mẹ ruột ở phường T, Tp. Q, tỉnh Bình Định. Khi con được 08 tháng tuổi, chị đưa con vào lại TP. HCM, vợ chồng chung sống được khoảng 02 tháng thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T thường xuyên nhậu nhẹt, không dành thời gian cho gia đình. Nhiều lần chị khuyên anh T phải thay đổi, giảm những mối quan hệ bên ngoài và dành thời gian cho gia đình nhiều hơn, nếu không chị sẽ về quê nhưng anh T không đồng ý. Trong thời gian chị đưa con về sống ở nhà mẹ ruột nhưng anh T không làm tròn trách nhiệm, không gửi tiền về cho chị nuôi con. Thời gian vợ chồng sống xa nhau, anh T có nhiều mối quan hệ với

những người phụ nữ khác. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nhất là vào tết năm 2015, anh T không cho chị dẫn con về ngoại chơi nên vợ chồng cãi nhau, anh T đánh chị và có những lời lẽ xúc phạm chị. Lúc đó chị đề cập đến việc ly hôn nhưng do mẹ chị khuyên và anh T cũng hứa thay đổi nên vợ chồng cho nhau cơ hội hàn gắn, cùng vào TP. HCM sinh sống. Tuy nhiên, khi chung sống thì vợ chồng lại tiếp tục mâu thuẫn, cãi nhau về chuyện tiền bạc, mặc dù vợ chồng sống chung nhà nhưng độc lập về tài chính, mạnh ai nấy sống. Đến năm 2016 anh T đưa con về Bình Định sống, thời gian này vì tài chính của chị chưa ổn định mà chi phí ở thành phố quá cao nên chị để anh T lo cho con, vợ chồng sống ly thân từ năm 2016. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Trung T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con tên Nguyễn Trung Hải N, sinh ngày 02.8.2012 hiện đang sống với anh T. Ly hôn, chị yêu cầu nuôi con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

* *Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai và các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Trung T trình bày*: Thống nhất như lời trình bày của chị Q về thời gian cưới, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại TP. HCM, được một thời gian thì chị Q quyết định về quê làm việc nhưng không về nhà cha mẹ anh mà dẫn con về ở nhà mẹ ruột. Công việc của chị Q phải thường xuyên di chuyển qua các tỉnh thành nên thời gian vợ chồng chung sống với nhau không nhiều, thời gian dành cho nhau ít nên tình cảm ngày càng nhạt dần. Anh thuyết phục vợ vào TP. HCM để vợ chồng cùng chung sống và lập nghiệp nhưng chị Q đồng ý với điều kiện anh phải chấp nhận việc cô ấy đi công tác ở tỉnh. Vì muốn níu giữ hôn nhân nên anh chấp nhận nhưng trong thời gian chung sống với nhau, anh thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn như trước, chị Q có nhiều lần ra ngoài đến 1, 2 giờ sáng mới về mà không cho anh biết là đi đâu. Thỉnh thoảng có những lần chị Q cầm điện thoại nhắn tin cho ai đó và khóa mật khẩu. Đến cuối năm 2015, vợ chồng không còn chung sống với nhau, chị Q thường xuyên đi công tác ở tỉnh và về nhà mẹ ruột ở chứ không về nhà anh. Cũng trong thời gian này, chị Q đặt vấn đề ly hôn nhưng anh cố gắng níu kéo bằng cách sắp xếp công việc xin về làm ở tỉnh Bình Định, để vợ chồng có cơ hội sống gần nhau và hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên cả hai vẫn không giải quyết được việc mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh xác định giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không thể dung hòa được nên anh thống nhất ly hôn với chị Q.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con tên Nguyễn Trung Hải N, sinh ngày 02.8.2012 hiện đang sống với anh. Ly hôn, anh yêu cầu nuôi con, không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong

quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Q và anh T

Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Nguyễn Trung Hải N cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí buộc thực hiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Bùi Thị Kim Q khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Trung T có địa chỉ cư trú tại KV. T, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định theo quy định Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị Bùi Thị Kim Q và anh Nguyễn Trung T có thời gian tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau, được UBND phường N cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên trong quá trình chung sống, giữa chị Q và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn từ chuyện tiền bạc, công việc và giữa anh chị lại thiếu niềm tin lẫn nhau, từ đó dẫn đến việc sống ly thân, chấm dứt cuộc sống chung. Trong quá trình hòa giải chị Q, anh T cùng xác định vợ chồng mâu thuẫn ngày càng căng thăng, tình cảm không còn nên cùng thống nhất thuận tình ly hôn. Xét yêu cầu của chị Q, anh T thấy rằng việc thuận tình ly hôn giữa hai anh chị là tự nguyện và phù hợp với thực tế mâu thuẫn nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Kim Q và anh Nguyễn Trung T.

[2.2] Về con chung: Chị Q, anh T xác định có 01 người con tên Nguyễn Trung Hải N, sinh ngày 02.8.2012 và cả hai cùng có yêu cầu nuôi con.

Xét yêu cầu của chị Q, anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện tại cháu Nguyễn Trung Hải N đã hơn 5 tuổi, đang học tại lớp mẫu giáo Khu vực T và đang do anh T nuôi dưỡng. Chị Q xác định đang làm việc tại công ty nghiên cứu thị trường TP. HCM, vì điều kiện công việc, chị thường xuyên đi công tác ở các tỉnh, thành nên không có điều kiện chăm sóc con, nếu được nuôi con, chị sẽ gửi con cho bà ngoại ở Bình Định chăm sóc. Trong khi anh T có nguồn thu nhập ổn định, hơn nữa để có thời gian chăm sóc cho cháu Nam, anh T đã chuyển công tác về làm việc tại nhà phân phối T ở Tp. Q nên có đủ điều kiện nuôi con. Vì vậy để đảm bảo việc học hành cũng như môi trường sống của cháu N ổn định nên giao cháu N cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc là phù hợp. Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Q, anh T không yêu cầu giải quyết, không xét.

[3] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Bùi Thị Kim Q phải chịu theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 195, Điều 220, Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:**

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Kim Q và anh Nguyễn Trung T.

2/ Trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn: Giao người con tên Nguyễn Trung Hải N, sinh ngày 02.8.2012 cho anh T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về tài sản chung: Chị Q, anh T không yêu cầu giải quyết, không xét

4/ Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Bùi Thị Kim Q phải chịu 300.000đ được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002895 ngày 04.10.2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

5/ Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Định*
- *VKSND TX. An Nhơn*
- *Chi cục THA TX. An Nhơn*
- *UBND phường N*
- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ*
- *Lưu án văn*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Mỹ Lệ